

Escucha el audio y elige la respuesta correcta.

1. 田中喜欢什么?

Tiánzhōng

- A) 听音乐
- B) 运动
- C) 看书

2. 田中喜欢打网球吗?

- A) 喜欢
- B) 不喜欢
- C) 不知道

3. 安同常做什么?

Āntóng cháng zuò

- A) 打棒球
- B) 游泳
- C) 打篮球和踢足球

踢足球 → tī zúqiú

游泳 → yóuyǒng

网球 → wǎngqiú

棒球 → bàngqiú

篮球 → lánqiú

听音乐 → tīng yīnyuè

运动 → yùndòng

4. 谁觉得踢足球很好玩?

Shéi juéde hǎowán

- A) 安同
- B) 田中
- C) 两个人

5. 他们什么时候去踢足球?

cuándō

shénme shíhou qù

- A) 下午
- B) 晚上
- C) 早上

LIVEWORKSHEETS